

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Số: **06**/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Bái, ngày **30** tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tỉnh Yên Bái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 18 /TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Yên Bái (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng vốn của Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn và căn cứ tính điểm của các tiêu chí

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm phù hợp với các mục tiêu phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; các dự án đầu tư có tác động, tạo sức lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với mục tiêu sử dụng vốn của Chương trình.

4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách, chương trình, đề án giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu tình trạng đầu tư dàn trải, chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng của các Chương trình, thì được áp dụng định mức phân bổ theo một trong các Chương trình phù hợp nhất.

5. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; đẩy mạnh phân cấp tạo sự chủ động, linh hoạt cho các cấp, các ngành; bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng; góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch vốn được giao, điều kiện thực tế, xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ cho các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu.

7. Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thôn đặc biệt khó khăn có dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tỷ lệ hộ nghèo được xác định theo kết quả thực hiện năm 2021 được công bố của cấp có thẩm quyền. Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết căn cứ số liệu thống kê thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m) của từng dự án, tiểu dự án căn cứ số liệu, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của cấp huyện, được các sở, ban, ngành theo lĩnh vực phụ trách rà soát, tổng hợp, trên cơ sở đề xuất của cấp huyện.

Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách trung ương

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện được quy định chi tiết tại 10 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Tổng số vốn phân bổ cho huyện thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của huyện đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i.
- k là huyện thứ k.
- Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

- $V_{k,i}$: vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện thứ k.
- $X_{k,i}$: số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của huyện thứ k.
- Q_i : vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i.

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

- G_i : vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

Điều 4. Vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tối thiểu bằng 5% tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc ngân sách cấp nào thì cấp đó bố trí vốn đối ứng; riêng huyện Mù Cang Chải và huyện Trạm Tấu bố trí đối ứng tối thiểu bằng 2%, phần vốn đối ứng còn lại do ngân sách tỉnh hỗ trợ.

2. Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Đối với các huyện, thị xã không thực hiện đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giảm trừ số vốn ngân sách trung ương tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của huyện, thị xã đó. Trường hợp bất khả kháng, các huyện, thị xã gặp khó khăn, không cân đối đủ nguồn lực để bố trí đối ứng theo quy định, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận: *H₂*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (Tự kiểm tra văn bản);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT, CV^{DT}.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long

Phụ lục I

DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
	Tổng cộng			A_{k,i}

- Tiêu chí hỗ trợ nước sinh hoạt

TT	Nội dung tiêu chí	Tổng điểm
1	Mỗi dự án cấp nước sinh hoạt tập trung (có quy mô vốn đầu tư đến 100 triệu đồng được 1 điểm); phần còn lại cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được thêm 1 điểm	B_{k,i}

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

Phụ lục II



**DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ
Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.
b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Tổng điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 100 triệu đồng được 1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được thêm 1 điểm	$X_{k,i}$

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.
b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Tổng điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được thêm 0,1 điểm	$X_{k,i}$

Phụ lục III



**DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG,
PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN ĐỂ
SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Kèm theo Nghị quyết số **06** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
Tổng cộng				X_{k,i}

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thực hiện dự án trồng dược liệu quý	2	a	2 x a
2	Mỗi trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	300 x b
Tổng cộng				X_{k,i}

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 15% tổng vốn của tiểu dự án cho Ban Dân tộc, Sở Công Thương, Sở Y tế, Liên minh Hợp tác xã, Tỉnh đoàn Yên Bái, Hội Nông dân.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

(1) Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thực hiện dự án trồng dược liệu quý	2	a	2 x a
2	Mỗi trung tâm giống cây dược liệu quý	270	b	270 x b
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

(2) Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	5	b	5 x b
Tổng cộng				A_{k,i}

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn (*tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK*):

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng			B_{k,i}

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Phục lục IV



DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	15	b	15 x b
3	Cứ 1 km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa (mặt đường tối thiểu 3,5m). Mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 1.600 triệu đồng/km	16	c	16 x c
4	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	d	40 x d
5	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 trạm y tế xã	8	đ	8 x đ
6	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	e	44 x e
7	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	g	8 x g
8	Mỗi công trình giao thông mở mới đường giao thông đến trung tâm xã (dành cho các xã chưa có đường tới trung tâm xã)	3.430	h	3.430 x h
9	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	500	i	500 x i
10	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã khu vực III, thôn thôn đặc biệt khó khăn	1.000	k	1.000 x k
	Tổng cộng			A_{k,i}

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên (*Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK*)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,3	a	0,3 x a
	Tổng cộng			B_{k,i}

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã</i>)	1,8	b	1,8 x b
3	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	c	2,5 x c
	Tổng cộng			A_{k,i}

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên (*Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK*)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,03	a	0,03 x a
	Tổng cộng			B_{k,i}

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Phục lục V

**DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số **06** /2022/NQ-HĐND ngày **20** tháng **3** năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)



1. Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	i	2 x i
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động	450	k	450 x k
	Tổng cộng			X_{k,i}

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	Tổng cộng			X_{k,i}

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ 100% tổng vốn của tiểu dự án cho Ban Dân tộc, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự, Trường Chính trị, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ.

- Phân bổ cho cấp huyện: Không.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ 100% tổng vốn của tiểu dự án cho Ban Dân tộc.

- Phân bổ cho cấp huyện: Không.

Phụ lục VI

**ĐỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA
TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ (DTTS)
GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

(Kèm theo Nghị quyết số **06**/2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 40% tổng vốn của dự án cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	b	2 x b
3	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	c	60 x c
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	d	60 x d
Tổng cộng				X_{k,i}

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 20% tổng vốn của dự án cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS cho mỗi địa phương vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	5 x b

3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hóa truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống văn hóa các DTTS)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian)	2	đ	2 x đ
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	e	0,5 x e
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS	20	g	20 x g
8	Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS	10	h	10 x h
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS	3	i	3 x i
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào DTTS và miền núi	0,3	k	0,3 x k
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào DTTS	0,3	l	0,3 x l
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	5	m	5 x m
	Tổng cộng			X_{k,i}

Phụ lục VII



**DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO
THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ;
PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 2 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)*

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ 100% tổng vốn của dự án cho Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.

b) Phân bổ cho cấp huyện: Không.

Phụ lục VIII

DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM
 (Kèm theo Nghị quyết số **06** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 20% tổng vốn của dự án cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	2	b	2 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

Phụ lục IX

**DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ
CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ**
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)



1. Tiêu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Giữ lại 100% tại ngân sách cấp tỉnh để xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ lãi suất khi đủ điều kiện theo quy định.

- Phân bổ cho cấp huyện: Không.

2. Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 50% tổng vốn tiêu dự án cho Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Ghi chú
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống	5	a	5 x a	
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b	
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c	
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d	
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ	Số mô hình là 20% của tổng số xã khu vực III, II
	Tổng cộng			X_{k,i}	

Phụ lục X

**DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG
TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, KIỂM
TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)*

1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 60% tổng vốn của tiêu dự án cho Ban Dân tộc, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

2. Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ 100% vốn đầu tư của tiêu dự án cho Ban Dân tộc, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phân bổ cho cấp huyện: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 67% tổng vốn sự nghiệp của tiêu dự án cho Ban Dân tộc tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên Minh Hợp tác xã.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã</i>)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

3. Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ không quá 55% tổng vốn tiêu dự án cho Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn Yên Bái, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Yên Bái, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Yên Bái.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng			X_{k,i}